

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 3 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Trần Công Đoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Trúc P, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Bùi Minh C, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Bùi Trúc P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông C chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà P xác định không thể chung sống được nên yêu cầu xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Bùi Trần T, sinh năm 2015, hiện đang sống với bà P. Khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Hiện các con đã.

Về tài sản chung và nợ: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Bùi Minh C: Quá trình giải quyết vụ án ông C vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Trúc P có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và ông Bùi Minh C đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà P xác định không thể chung sống với ông C. Mặc khác, hôn nhân của bà P và ông C trên cơ sở tự nguyện, nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho ông, bà ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Đối với cháu Bùi Trần T, tại đơn ghi nguyện vọng của cháu thể hiện nguyện vọng được sống với bà P. Do đó, cần giao cháu Bùi Trần T, sinh năm 2015 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà P xác định không có, ông C không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Trúc P và ông Bùi Minh C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Trần T, sinh năm 2015 cho bà Bùi Trúc P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Ông Bùi Minh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Trúc P phải chịu 300.000 đồng. Bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000208 ngày 07/01/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Trúc P và ông Bùi Minh C quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Tạ An Khương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Yến